

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU
TÂN BIÊN - KAMPONG THOM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ
PHẦN CAO
SU TÂN BIÊN
-
KAMPONGT
HOM**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN CAO SU
TÂN BIÊN -
KAMPONGTHOM
DN: cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
- KAMPONGTHOM,
c=VN, l=Huyện Tân Châu,
st=Tây Ninh ®
Date: 2019.02.22
09:09:19 +07'00'

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom, tên Tiếng Anh: TANBIEN - KAMPONG THOM RUBBER JOINT STOCK COMPANY được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3900419448 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 8, Ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Cư	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Bích Lợi	Thành viên	
Ông Lâm Thanh Phú	Thành viên	
Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên	
Ông Phạm Văn Hằng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2018)
Ông Võ Văn Thành	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2018)
Ông Hồ Hữu Nghĩa	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 28/06/2018)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lâm Tấn Nền	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 30/10/2018)
Ông Phạm Văn Lộc	Trưởng ban	(Bỏ nhiệm ngày 30/10/2018)
Ông Hồ Hữu Nghĩa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2018)
Ông Phạm Ngọc Tiến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30/10/2018)
Ông Hoàng Quốc Hưng	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 30/10/2018)
Ông Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 30/10/2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tân Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc
CỘNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU TÂN BIÊN
KAMPONGTHOM
H. TÂN CHÂU - T. TÂY NINH



Lâm Thanh Phú

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom được lập ngày 25 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng tài sản ngắn hạn của Công ty đang nhỏ hơn nợ phải trả ngắn hạn số tiền 55,46 tỷ, mặt khác lỗ lũy kế tăng cụ thể đến thời điểm 31/12/2018 số lỗ lũy kế là 43,09 tỷ, khoản đầu tư tài chính đang bị thua lỗ. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2018-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.840.215.488	5.351.591.094
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.123.087.542	1.304.063.082
111	1. Tiền		1.123.087.542	1.304.063.082
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.590.208.096	3.966.835.257
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	837.270.000	837.270.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	9.323.761.261	331.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	3.429.176.835	2.798.565.257
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		126.919.850	80.692.755
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		36.779.421	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		58.069.886	49.755.543
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	32.070.543	30.937.212
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.291.777.193.875	1.305.537.532.965
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		31.182.079.097	31.182.079.097
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	31.182.079.097	31.182.079.097
220	II. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	-	-
222	- Nguyên giá		786.959.823	786.959.823
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(786.959.823)	(786.959.823)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.816.642.863	5.816.642.863
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	5.816.642.863	5.816.642.863
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.254.778.471.915	1.268.538.811.005
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.272.473.811.005	1.268.538.811.005
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.695.339.090)	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.306.617.409.363	1.310.889.124.059



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

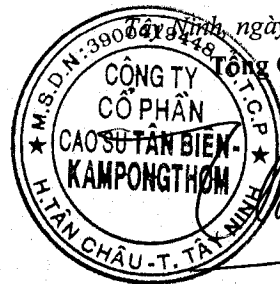
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		70.304.228.825	54.829.460.470
310	I. Nợ ngắn hạn		70.304.228.825	54.829.460.470
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	347.116.000	11.916.419.350
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	67.759.407.996	42.393.188.624
314	3. Phải trả người lao động		262.104.829	257.252.496
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	195.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.935.600.000	67.600.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.236.313.180.538	1.256.059.663.589
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.236.313.180.538	1.256.059.663.589
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.279.323.000.000	1.279.323.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.279.323.000.000	1.279.323.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(43.009.819.462)	(23.263.336.411)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(23.263.336.411)	(23.906.620.302)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(19.746.483.051)	643.283.891
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.306.617.409.363	1.310.889.124.059

Người lập

Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lâm Quang Phúc



Tây Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc

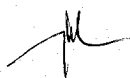
Lâm Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	80.258.800.145	95.157.819.094
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.258.800.145	95.157.819.094
11	4. Giá vốn hàng bán	17	79.689.365.569	91.708.365.591
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		569.434.576	3.449.453.503
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	9.338.360	26.761.263
22	7. Chi phí tài chính	19	17.695.339.090	203.579.038
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.634.551.505	2.628.614.417
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.751.117.659)	644.021.311
31	11. Thu nhập khác		4.720.800	250.244
32	12. Chi phí khác		86.192	987.664
40	13. Lợi nhuận khác		4.634.608	(737.420)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(19.746.483.051)	643.283.891
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.746.483.051)	643.283.891

Người lập

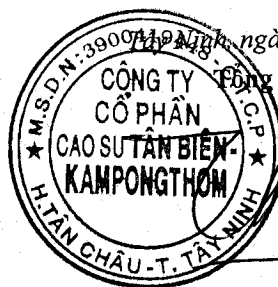


Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Lâm Quang Phúc



Ngày lập, ngày 25 tháng 01 năm 2019

Đã kiểm tra và Giám đốc

Lâm Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		109.640.482.252	81.189.159.124
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(101.158.199.675)	(86.649.129.357)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(789.873.226)	(1.035.505.031)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.026.228.796	523.865.362
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.973.432.848)	(7.006.424.906)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.745.205.299	(12.978.034.808)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
25	1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.935.000.000)	(65.277.991.719)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.697.659	26.761.263
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.926.302.341)	(65.251.230.456)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	79.323.006.600
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	79.323.006.600
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(181.097.042)	1.093.741.336
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.304.063.082	210.397.534
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		121.502	(75.788)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	1.123.087.542	1.304.063.082

Người lập

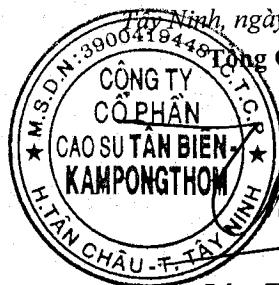


Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Lâm Quang Phúc



Tây Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2019
Tổng Giám đốc

Lâm Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom, tên Tiếng Anh: TANBIEN - KAMPONG THOM RUBBER JOINT STOCK COMPANY được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3900419448 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 8, Ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ theo giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi của Công ty là 1.279.323.000.000 VND tương đương với 127.932.300 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2018 là 1.279.323.000.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư thực hiện các dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su tại Vương Quốc Campuchia.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư thực hiện các dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su tại Vương Quốc Campuchia;
- Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất; trừ hóa chất bảng I theo công ước quốc tế.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Đặc thù hoạt động của Công ty là nhận vốn đầu tư từ các cổ đông để đầu tư vào hai Công ty con thực hiện hai dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty tại Vương Quốc Campuchia. Công ty không thực hiện kinh doanh trực tiếp, tài sản chủ yếu là khoản đầu tư vào Công ty con. Tại thời điểm 31/12/2018, tổng tài sản ngắn hạn của Công ty đang nhỏ hơn nợ phải trả ngắn hạn số tiền 55,46 tỷ, mặt khác lỗ lũy kế tăng cụ thể đến thời điểm 31/12/2018 số lỗ lũy kế là 43,09 tỷ, khoản đầu tư tài chính đang bị thua lỗ cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Trong năm 2018, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty phát sinh từ các hợp đồng mua mủ cao su của Công ty TNHH Phát triển cao su Tân Biên Kampong Thom và bán lại cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên. Khoản nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 chủ yếu là khoản tiền Công ty mẹ ứng trước để mua hàng hóa theo các Hợp đồng mua bán đã ký kết do đó Ban giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 09 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính, Văn bản số 2821/TCT-DNL ngày 19/07/2018 và Văn bản số 3941/TCT-DNL ngày 15/10/2018 của Tổng cục Thuế về việc ưu đãi thuế đối với hoạt động chế biến nông sản, theo đó:

- Công ty có phát sinh thu nhập từ hoạt động trồng trọt, khai thác mủ cao su tươi thì phần thu nhập này được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN theo quy định.
- Công ty có phát sinh thu nhập của hoạt động sơ chế hoặc nhận gia công sơ chế mủ cao su (bao gồm cả tự trồng và thu mua của tiểu điền) thành các sản phẩm được xác định là mủ cao su sơ chế theo hướng dẫn tại Công văn số 7193/BTC-TCT ngày 30/04/2014 của Bộ Tài chính thì khoản thu nhập này không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động chế biến nông sản.
- Công ty có phát sinh thu nhập từ hoạt động thu mua mủ cao su về để bán thì thu nhập từ hoạt động kinh doanh này không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các khoản thu nhập không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là mua mủ cao su của Công ty TNHH PTCS Tân Biên Kampong Thom và bán lại cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	57.619.000	55.442.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.065.468.542	1.248.621.082
	1.123.087.542	1.304.063.082

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.272.473.811.005	(17.695.339.090)	1.268.538.811.005	-
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	1.080.735.266.286	-	1.080.735.266.286	-
- Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông	191.738.544.719	(17.695.339.090)	187.803.544.719	-
	1.272.473.811.005	(17.695.339.090)	1.268.538.811.005	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con:
 Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 911.156.000.000 VND. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2018 là 191.738.544.719 VND, Công ty thực hiện góp vốn theo tiến độ.

Đầu tư vào Công ty con	
Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:	
Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Tỉnh Kampong Thom, Campuchia	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su
- Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông Tây Ninh, Việt Nam	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Khoản phải thu ông Dương Xuân Lưu liên quan đến tiền bán cây giống và đậu mucuna để mang qua Campuchia bán lại cho Công ty con. Số dư khoản phải thu tại ngày 31/12/2018 là 837.270.000 đồng (tại ngày 01/01/2018 là 837.270.000 đồng).

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ Phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng	196.000.000	-	196.000.000	-
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	3.845.330.321	-	-	-
- Công ty TNHH Cao su Mekong	5.127.430.940	-	-	-
- Các đối tượng khác	155.000.000	-	135.000.000	-
	9.323.761.261	-	331.000.000	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	8.972.761.261	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	150.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom thu chi hộ BHXH	3.112.879.475	-	2.631.427.374	-
- Phải thu khác	166.297.360	-	167.137.883	-
	3.429.176.835	-	2.798.565.257	-
b) Dài hạn				
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom - tiền lãi cho vay (*)	31.182.079.097	-	31.182.079.097	-
	31.182.079.097	-	31.182.079.097	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	34.294.958.572	-	33.813.506.471	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

(*) Khoản tiền lãi vay Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampong Thom phải thu Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên Kampong Thom (Công ty con) liên quan đến các khoản vay đã tắt toán trước đây. Khoản tiền này sẽ được thu hồi ngay sau khi Công ty con đưa toàn bộ vườn cây vào khai thác có lợi nhuận, có nguồn để thanh toán các khoản nợ với Công ty mẹ.

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án Nhà máy chế biến mủ cao su ⁽¹⁾	2.553.996.724	2.553.996.724
Giá trị khảo sát và lập dự án đầu tư trồng cao su tại Preah Vihear và Kampong Thom ⁽²⁾	3.262.646.139	3.262.646.139
	5.816.642.863	5.816.642.863

⁽¹⁾ Đây là các khoản mục chi phí phát sinh ban đầu do Công ty mẹ thực hiện với các nhà thầu tại Việt Nam để lập tư vấn thiết kế Nhà máy chế biến cao su tại Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên Kampong Thom. Hiện nay, Nhà máy chế biến mủ cao su đang trong quá trình quyết toán giá trị đầu tư.

⁽²⁾ Đây là các khoản mục chi phí phát sinh ban đầu do Công ty mẹ thực hiện với các nhà thầu tại Việt Nam để khảo sát, lập dự án đầu tư trồng cao su giai đoạn 2 tại Công ty TNHH Cao su Mê Kông. Khi dự án hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, Công ty sẽ quyết toán với Công ty con tại Campuchia. Hiện nay, dự án đang trong quá trình trồng và chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình của công ty là xe Landcruicer 07 chỗ có nguyên giá tại ngày 31/12/2018 là 786.959.823 đồng. Toàn bộ tài sản này đã hết khấu hao.

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Cơ sở Thái Hưng	50.661.600	50.661.600	50.661.600	50.661.600
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	-	-	11.791.507.750	11.791.507.750
- Công ty TNHH MTV TM-DV- XNK Nghĩa Thảo Tây Ninh	296.454.400	296.454.400	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	74.250.000	74.250.000
	347.116.000	347.116.000	11.916.419.350	11.916.419.350
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	11.791.507.750	11.791.507.750

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (*)
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần

31/12/2018	01/01/2018
VND	VND
67.759.407.996	36.038.588.624
-	6.354.600.000
67.759.407.996	42.393.188.624
67.759.407.996	42.393.188.624

Phải trả người bán là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

(*) Khoản tiền Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ứng trước để thực hiện Hợp đồng mua bán số 20/HĐ-TKR ngày 23/01/2018, Hợp đồng mua bán số 85/HĐ-TKR ngày 02/05/2018, Hợp đồng mua bán số 100/HĐ-TKR ngày 16/05/2018 và Hợp đồng mua bán số 135/HĐ-TKR ngày 05/07/2018. Thời hạn giao hàng từ thời điểm ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2018. Số lượng và đơn giá mỗi đợt sẽ được 2 bên ký kết dựa theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam bằng Phụ lục Hợp đồng.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.952.391.991	3.952.391.991	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	30.937.212	-	12.053.387	13.186.718	32.070.543	-
	<u>30.937.212</u>	<u>-</u>	<u>3.964.445.378</u>	<u>3.965.578.709</u>	<u>32.070.543</u>	<u>-</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Tiền thưởng viên chức điều hành năm 2014	30.000.000	30.000.000
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - mượn vốn hoạt động	1.868.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.600.000	37.600.000
	<u>1.935.600.000</u>	<u>67.600.000</u>
	<u>1.868.000.000</u>	<u>-</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh 25*)

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.199.999.993.400	(23.906.620.302)	1.176.093.373.098
Tăng vốn trong năm trước	79.323.006.600	-	79.323.006.600
Lãi trong năm trước	-	643.283.891	643.283.891
Số dư cuối năm trước	1.279.323.000.000	(23.263.336.411)	1.256.059.663.589
Số dư đầu năm nay	1.279.323.000.000	(23.263.336.411)	1.256.059.663.589
Lỗ trong năm nay	-	(19.746.483.051)	(19.746.483.051)
Số dư cuối năm nay	1.279.323.000.000	(43.009.819.462)	1.236.313.180.538

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	45,96	588.000.000.000	45,96	588.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	54,01	690.954.760.000	53,84	688.823.830.000
Các cổ đông khác	0,03	368.240.000	0,20	2.499.170.000
	100	1.279.323.000.000	100	1.279.323.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.279.323.000.000	1.199.999.993.400
- Vốn góp đầu năm	-	79.323.006.600
- Vốn góp tăng trong năm	1.279.323.000.000	1.279.323.000.000
- Vốn góp cuối năm		

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.932.300	127.932.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.932.300	127.932.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	127.932.300	127.932.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.932.300	127.932.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	127.932.300	127.932.300
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đô la Mỹ (USD)	1.289,28	1.311,28

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng	80.258.800.145	95.157.819.094
	80.258.800.145	95.157.819.094
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)	80.208.345.600	95.082.510.000

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	79.689.365.569	91.708.365.591
	79.689.365.569	91.708.365.591

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.697.659	26.761.263
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	519.199	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	121.502	-
	9.338.360	26.761.263

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	203.579.038
Dự phòng tổn thất đầu tư	17.695.339.090	-
	17.695.339.090	203.579.038

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	8.074.246	22.364.605
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.417.397	8.664.000
Chi phí nhân công	2.007.953.614	2.048.013.665
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.011.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.146.035	375.354.147
Chi phí khác bằng tiền	440.960.213	171.207.000
	2.634.551.505	2.628.614.417

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(19.746.483.051)	643.283.891
Các khoản điều chỉnh tăng	132.000.000	987.664
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	-	987.664
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	132.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(644.271.555)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(644.271.555)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.614.483.051)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	22.491.643	31.028.605
Chi phí nhân công	2.007.953.614	2.048.013.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.146.035	375.354.147
Chi phí khác bằng tiền	443.960.213	174.218.000
	2.634.551.505	2.628.614.417

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.123.087.542	-	1.304.063.082	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.448.525.932	-	34.817.914.354	-
	36.571.613.474	-	36.121.977.436	-

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.282.716.000	11.984.019.350
Chi phí phải trả	-	195.000.000
	2.282.716.000	12.179.019.350

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.123.087.542	-	-	1.123.087.542
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.266.446.835	31.182.079.097	-	35.448.525.932
	5.389.534.377	31.182.079.097	-	36.571.613.474
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.304.063.082	-	-	1.304.063.082
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.635.835.257	31.182.079.097	-	34.817.914.354
	4.939.898.339	31.182.079.097	-	36.121.977.436

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.282.716.000	-	-	2.282.716.000
	2.282.716.000	-	-	2.282.716.000
Tại ngày 01/01/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.984.019.350	-	-	11.984.019.350
Chi phí phải trả	195.000.000	-	-	195.000.000
	12.179.019.350	-	-	12.179.019.350

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Góp vốn đầu tư		3.935.000.000	65.277.991.719
- Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông	Công ty con	3.935.000.000	65.277.991.719
Nhận vốn góp		-	79.323.006.600
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Công ty mẹ	-	79.323.000.000
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	-	6.600
Bán hàng		80.208.345.600	95.082.510.000
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Công ty mẹ	80.208.345.600	95.082.510.000
Mua hàng		79.098.294.369	91.098.108.091
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Công ty mẹ	50.454.545	74.309.091
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	79.047.839.824	91.023.799.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn khác		3.112.879.475	2.631.427.374
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	3.112.879.475	2.631.427.374
Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.972.761.261	-
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	3.845.330.321	-
- Công ty TNHH Cao su Mê Kông	Doanh nghiệp nhận 100% vốn đầu tư của Công ty con	5.127.430.940	-
Phải thu dài hạn khác		31.182.079.097	31.182.079.097
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	31.182.079.097	31.182.079.097
Phải trả cho người bán ngắn hạn		-	11.791.507.750
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	-	11.791.507.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		67.759.407.996	42.393.188.624
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Công ty mẹ	67.759.407.996	36.038.588.624
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	-	6.354.600.000
Phải trả khác ngắn hạn		1.868.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Công ty mẹ	1.868.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	180.000.000	180.000.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

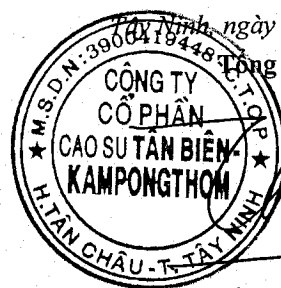
	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng			
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	MS 02	(86.649.129.357)	(91.694.325.064)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	MS 07	(7.006.424.906)	(1.961.229.199)

Người lập

Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lâm Quang Phúc



Tây Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2019
Tổng Giám đốc

Lâm Thanh Phú